

PHÂN LOẠI CHI TRÂM HOÀNG (*Kayea* Wall.), HỌ BỨA (Clusiaceae Lindl.) Ở VIỆT NAM

Lê Ngọc Hân^{1,*}, Bùi Thu Hà²

Tóm tắt: Hiện nay ở Việt Nam chi Trâm hoàng (*Kayea* Wall.), họ Bứa (Clusiaceae Lindl.) xác định được có 4 loài. Bài báo đề cập đến đặc điểm chung của chi *Kayea*, lập khóa định loại cho các taxon, mô tả 4 loài gồm các thông tin: Tài liệu gốc, danh pháp, đặc điểm hình thái cơ bản, mẫu chuẩn và nơi lưu giữ mẫu chuẩn, sinh học và sinh thái, phân bố, mẫu nghiên cứu, giá trị sử dụng (nếu có).

Từ khóa: Clusiaceae, *Kayea*, Bứa, Trâm hoàng, Việt Nam.

1. MỞ ĐẦU

Chi Trâm hoàng (*Kayea*) được Wallich mô tả lần đầu tiên năm 1831 trong công trình “*Plantae Asiaticae Rariores*”; loài chuẩn là *Kayea floribunda*. Chi *Kayea* có khoảng 75 loài, nhiều loài không có mô tả, tập trung chủ yếu từ Ấn Độ đến Ôxtrâyliya (Stevens P. E., 2007). Ở Việt Nam, ghi nhận 3 loài (Pitard C. J., 1910; Phạm Hoàng Hộ, 1999). Tuy nhiên, hiện nay số lượng loài và danh pháp của một số taxon thuộc chi *Kayea* ở Việt Nam đã có sự thay đổi. Do đó, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu phân loại chi Trâm hoàng (*Kayea* Wall.), họ Bứa (Clusiaceae Lindl.) ở Việt Nam. Kết quả này góp phần hoàn thiện nghiên cứu phân loại các loài thuộc họ Bứa ở Việt Nam, góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu Thực vật chí Việt Nam.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các đại diện của chi Trâm hoàng (*Kayea* Wall.) ở Việt Nam là các mẫu tiêu bản được lưu giữ tại các Phòng tiêu bản trong nước như: Phòng Tiêu bản thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới TP. Hồ Chí Minh (VNM).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Định loại các tiêu bản thực vật thu được theo Nguyễn Tiến Bân (1997), Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), Phạm Hoàng Hộ (1999) và kiểm tra danh pháp thực vật theo <https://www.tropicos.org/home>; <http://www.theplantlist.org>.

- So sánh mẫu tiêu bản (tham khảo qua các hình ảnh trên internet tại các phòng tiêu bản trên thế giới như: Bảo tàng Thực vật, Vườn thực vật Hoàng gia Kew (K); Bảo tàng Lịch sử tự nhiên (P); Bảo tàng Thực vật, Đại học Harvard (HG).

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*Email: lengochan7@gmail.com

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm hình thái chung của chi *Trâm hoàng* (*Kayea* Wall.) ở Việt Nam

Cây gỗ, nhánh non tròn hay có cạnh, phân đôi. Lá đơn, mọc đối; phiến lá hình bầu dục, hình bầu dục thuôn, hình mác, hình thuôn, hình trứng hay hình trứng thuôn dài; gốc tròn, tù hay nhọn; đỉnh có mũi nhọn hoặc không; gân chính nổi rõ, gân bên mờ, gân tam cấp hình mạng; có cuống. Hoa lưỡng tính, mọc ở đỉnh cành hay nách lá; hoa không cuống hoặc cuống rất ngắn. Đài 4, hình tròn hay bầu dục, lõm, cứng, xếp lợp, bao lấy nụ hoa. Cánh hoa 4. Nhị nhiều; chỉ nhị mảnh, bao phấn nhỏ, gần hình cầu, 2 ô, nứt dọc. Lá noãn 4, dính nhau; bầu 1 ô, vòi nhụy thẳng, đầu nhụy chia 4 thùy. Quả mọng, vỏ quả cứng, có đài đồng trường. Hạt 1-2; dày, vỏ mỏng, cứng.

Typus: *Kayea floribunda* Wall.

3.2. Khoá định loại các loài thuộc chi *Trâm hoàng* (*Kayea* Wall.) ở Việt Nam

1A. Hoa có cuống dài hơn hay bằng 5 mm, đường kính quả nhỏ hơn hay bằng 40 mm

2A. Cụm hoa 1- 2 hoa, đường kính quả 20- 25 mm; đỉnh lá có mũi nhọn dài tới 2 cm.

..... **1. *K. clemensorum***

2B. Cụm hoa khoảng 10 hoa trở lên, đường kính quả 30- 40 mm; đỉnh lá không có mũi nhọn.

3A. Cuống hoa dài 5 mm. Mép đài không lông..... **2. *K. ferruginea***

3B. Cuống hoa dài 6- 10 mm. Mép đài có lông..... **3. *K. floribunda***

1B. Hoa không cuống, đường kính quả 50 mm..... **4. *K. macrocarpa***

3.3. Mô tả chi tiết các loài thuộc chi *Trâm hoàng* (*Kayea* Wall.) ở Việt Nam

3.3.1. *Kayea clemensorum* Gagnep. – *Trâm hoàng clemens*

Gagnep. 1943. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 276; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 368.

- *Mesua clemensorum* (Gagnep.) Kosterm. 1991. Reinwardtia 7: 426; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 461.

Cây gỗ, cao 10-20 m. Lá mọc đối; phiến lá hình trứng, hình bầu dục, hay hình thuôn, cỡ 4- 7 x 1,5- 2 cm, mỏng, cứng; không lông; gốc nhọn, đỉnh có mũi nhọn dài tới 2 cm; gân chính nổi rõ ở mặt dưới, gân bên 7- 10 cặp, gân tam cấp hình mạng; cuống lá mảnh, 5- 6 mm. Cụm hoa ở đỉnh cành, dài 15- 20 mm, trục cụm hoa không lông, 1-2 hoa, cuống hoa dài 10- 15 mm. Đài 4, gần tròn, lõm, xếp lợp. Cánh hoa 4. Nhị nhiều. Bầu 1 ô. Quả hình cầu, đường kính 20- 25 mm, đỉnh có núp nhọn.

Loc. class.: Vietnam.

Holotypus: Clemens 3339 (P - P01901021).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả 3-9. Mọc rải rác trong rừng.

Phân bố: Mới thấy ở Đà Nẵng (Bà Nà).

Mẫu nghiên cứu: Đà Nẵng, Bà Nà, Clemens 3339 (P - P01901021 - ảnh), 3541 (HN; P - P04634998 - ảnh).

3.3.2. *Kayea ferruginea* Pierre – *Trâm hoàng sét*

Pierre, 1885. Fl. Forest. Cochinch.: pl. 99; T. Anders. 1874. Fl. Brit. Ind. 1: 276; C. J. Pitard, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1. 2: 326; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 368.

- *Kayea eugeniifolia* Pierre, 1885. Fl. Forest. Cochinch.: pl. 98; C. J. Pitard, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1. 2: 326; Gagnep. 1943. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 276.

- *Mesua ferruginea* (Pierre) Kosterm. 1969. Reinwardtia 7: 427; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 462.

Gỗ cao 20 m. Phiến lá hình trứng thuôn dài hay hình mác, cỡ 7-15 x 2-5 cm, đỉnh lá không có mũi nhọn; gân bên 9-12 cặp; cuống lá dài 4-7 mm. Cụm hoa dạng chùm, dài 10-12 cm; khoảng 10 hoa. Hoa lưỡng tính, cuống hoa dài 5 mm. Đài 4, hình tròn, vàng nhạt, mép đài không lông. Cánh hoa 4, hình chữ nhật, màu trắng, mỏng. Nhị nhiều, chỉ nhị mảnh, dài hơn cánh hoa, rời; bao phấn nhỏ, màu vàng. Bầu 1 ô. Quả hình cầu, đường kính 30-40 mm, đài đồng trường dày, cứng bao lấy quả. Hạt 1-2.

Loc. class.: Vietnam (Tayninh). **Holotypus:** Pierre 4564 (P - P01901017).

Sinh học và sinh thái: Ra hoa quả gần như quanh năm. Mọc ven rừng, ưa ẩm.

Phân bố: Vĩnh Phúc, Bình Dương (Thị Tính, TP. Thủ Dầu Một), Tây Ninh, Đồng Nai (Biên Hòa). Còn có ở Lào, Campuchia.

Mẫu nghiên cứu: Bình Dương, Thị Tính, Thorel 766 (P - P04635080 - ảnh; VNM - VNM00003550); TP. Thủ Dầu Một, Plutot Rabougri 1689 (P - P04635083 - ảnh). - TÂY NINH, Pierre 4564 (P - P01901017 - ảnh).

3.3.3. *Kayea floribunda* Wall. – *Trâm hoàng nhiều hoa*

Wall. 1831. Pl. Asiat. Rar. 3: 5; Gagnep. 1943. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 275; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 368.

- *Mesua floribunda* (Wall.) Kosterm. 1969. Reinwardtia 7: 427; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 462.

Cây gỗ. Lá đơn, mọc đối, phiến lá cỡ 7 - 12 x 2 - 4 cm; đỉnh lá không có mũi nhọn; cuống lá 6- 10 mm, không lông. Nụ trưởng thành màu trắng, viền hồng. Cụm hoa dạng chùm; khoảng 10- 30(-40) hoa. Hoa lưỡng tính, cuống hoa dài 6- 10 mm, lá bắc hình dải, nhỏ. Đài 4, màu xanh, dày, 2 mảnh ngoài gần tròn, cỡ 5 mm, 2 mảnh trong lớn hơn, hình bầu dục hay hình trái xoan, đỉnh tù, mép đài có lông. Tràng 4, màu trắng, hình bầu dục hay bầu dục thuôn, dài 7 mm, đỉnh nhọn. Nhị nhiều, rời, chỉ nhị mảnh, dài 8-10 mm; bao phấn màu vàng. Bầu 1 ô. Quả hình cầu, đường kính 30-40 mm. Hạt 1- 2, màu nâu đỏ.

Loc. class.: India. **Isotypus:** Wallich 4840 (GH - GH00067759).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa quả gần như quanh năm. Mọc trong rừng ở độ cao dưới 1500 m.

Phân bố: Lâm Đồng (Di Linh), Bình Dương (Thủ Dầu Một), Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh. Còn có ở Bangladesh, Ấn Độ, vùng Himalaya.

Mẫu nghiên cứu: Ở Việt Nam hiện chưa thu được mẫu của loài này.

Giá trị sử dụng: Gỗ dùng trong xây dựng, đóng thuyền, làm đồ thủ công.

3.3.4. *Kayea macrocarpa* Pierre - Trâm hoàng quả to

Pierre, 1885. Fl. Froest. Cochinch.: pl. 100; C. J. Pitard, 1910. Fl. Gen. Indoch. 1. 2: 327; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 369.

- *Mesua macrocarpa* (Pierre) Kosterm. 1969. Reinwardtia 7: 428; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 462.

Gỗ, cao 8 m, đường kính thân 8 - 10 cm; cành non tròn, màu xám. Lá mọc đối, phiến lá hình bầu dục thuôn, hay hình mác, cỡ 7- 10 x 2,5- 3,5 cm, mỏng, dai, không lông; gốc tròn hay tù, đỉnh nhọn; gân chính rõ, gân bên 12- 15 cặp, mờ; cuống lá 5 mm. Hoa ở nách lá, không cuống. Đài 4, tròn. Cánh hoa 4. Nhị nhiều, rời. Quả lớn, hình cầu, đường kính 50 mm; đài tồn tại bao lấy quả. Hạt 1- 2, màu đen, vỏ mỏng.

Loc. class.: Vietnam. **Lectotypus:** Pierre 1050 (K - K000677333).

Sinh học và sinh thái: Ưa ẩm, mọc ven sông đến vùng nước lợ.

Phân bố: Dọc theo sông Sài Gòn.

Mẫu nghiên cứu: SÀI GÒN, Pierre 1050 (K - K000677333 - ảnh; P - P01901014 - ảnh, P01901015 - ảnh, P01901016 - ảnh).

Giá trị sử dụng: Gỗ tốt, dùng trong xây dựng, thủ công.

4. KẾT LUẬN

Chi *Kayea* Wall. thuộc họ Bứa (Clusiaceae Lindl.) ở Việt Nam có 4 loài. Đã xây dựng khóa định loại; bổ sung những dẫn liệu cho 4 loài nghiên cứu thuộc chi Trâm hoàng (*Kayea* Wall.): đặc điểm sinh học, sinh thái; phân bố, giá trị sử dụng, mẫu chuẩn và nơi lưu giữ mẫu chuẩn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anderson T. 1875. Flora of British India. Savill Edwards and co. Printers, London, 1: 276-277.

Nguyễn Tiến Bản, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 532 tr.

Gagneppain F. 1943. Supplement Flore Générale de L' Indochine. Muséum National d'Histoire Naturelle, Paris, 1: 275-277.

Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam. Nxb. Trẻ, Hà Nội, 1: 461-462.

Kostermans A. J. G. H. 1969. *Kayea* Wall, and *Mesua* L. (Guttiferae). Reinwardtia, Herbarium Bogoriense, Bogor, 7(5): 425-431.

Pierre L. 1885. Flore forestière de la Cochinchine. Paris, pl. 98-100.

Pitard C. J. 1910. Flore Générale de L' Indochine. Paris, 1(2): 325-328.

Stevens P. F. 2007. The families and genera of vascular plants. In: K. Kubitzki (ed.). Springer, Berlin, 9: 59.

Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 223 tr.

Wallich N. 1831. Plantae Asiaticae Rariores. London, 3: 5.

<http://legacy.tropicos.org> (truy cập ngày 20/03/2020).

<http://www.theplantlist.org>. (truy cập ngày 20/03/2020).

TAXONOMY OF GENUS *Kayea* Wall. (Clusiaceae Lindl.) IN VIETNAM

Le Ngoc Han^{1,*}, Bui Thu Ha²

Abstract: Up to now, in Vietnam, the genus *Kayea* has 4 known species. In this study, we describe characteristics of genus, the key to species of the genus *Kayea* in Vietnam, described species included an original reference, other references, morphological, type, ecological and biological characters, distribution of examined specimens, and uses. Distribution of species *Kayea floribunda* Wall. in Vietnam should be continuously investigated and confirmed.

Keywords: Clusiaceae, *Kayea*, Vietnam.

¹Institute of Ecology and Biological Resources, Vietnam Academy of Science and Technology

²Hanoi National University of Education

*Email: lengochan7@gmail.com